

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Không áp dụng

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Không có hoặc có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường nhưng không hợp lý, | Không đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| | | |
|---|---|-----------|
| | không phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | |
| 1.2. Đề xuất giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công các công tác của các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt và đính kèm theo E-HSMT | Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trường xây dựng. | Đạt |
| | Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 1.3. Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa bão | Có thuyết minh biện pháp khả thi. | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp hoặc có nhưng khả thi. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là đạt | Đạt |
| | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 2.1. Thời gian thi công: Đề xuất thời gian thi công không quá 270 ngày kể từ ngày khởi công. | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 270 ngày kể từ ngày khởi công. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 270 ngày kể từ ngày khởi công | Không đạt |
| 2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên | Không đạt |
| 2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |

| | | |
|--------------------------|---|-----------|
| đáp ứng yêu cầu của HSMT | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 được xác định là không đạt | Không đạt |

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 3.1. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người. | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng và cán bộ kỹ thuật. | Đạt |
| | Không có sơ đồ tổ chức hiện trường hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| Kết luận | Đáp ứng yêu cầu trên | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |

4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công các công tác của các hạng mục theo yêu cầu tại Mục 1.2 nêu trên theo hồ sơ thiết kế được duyệt đính kèm E-HSMT | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp và đầy đủ các nội dung yêu cầu. | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý hoặc không khả thi, không phù hợp và không đầy đủ với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 4.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | - Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. - Lập danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu đưa vào công trình. Nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ và tiêu chuẩn áp dụng kiểm tra đối với các loại vật tư chính. | Đạt |

| | | |
|----------|---|-----------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu. - Biện pháp xử lý vật tư, vật liệu không phù hợp với yêu cầu của gói thầu. - Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão | |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. Không có danh mục toàn bộ vật tư đưa vào gói thầu và không nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ và tiêu chuẩn áp dụng kiểm tra đối với các loại vật tư chính. Không có biện pháp xử lý vật tư, vật liệu không phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Không có các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------------|---|-----|
| 5.1. An toàn lao động | <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh biện pháp an toàn hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và đầy đủ các nội dung dưới đây: + Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công hoặc hạng mục công trình; + An toàn giao thông ra vào công trường; | Đạt |

| | | |
|----------------------------|--|-----------|
| | + Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; + An toàn cho cư dân xung quanh công trường; | |
| | Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động cho các nội dung trên hoặc có biện pháp an toàn lao động cho đầy đủ các nội dung trên nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | Có biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | - Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3 được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------------|---|-----|
| 6.1. Thời gian bảo hành | | |
| Đề xuất thời gian bảo hành | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn 12 tháng. | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng. | Không đạt |
| 6.2. Quy trình bảo hành | | |
| Đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành | Có đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành hợp lý, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật. | Đạt |
| | Không có đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành hoặc có nhưng không hợp lý, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu có cam kết thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn trên được xác định là đạt | Đạt |
| | Tiêu chuẩn trên được xác định là không đạt. | Không đạt |

8. Các cam kết, hợp đồng nguyên tắc:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 8.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Cát các loại, đá các loại, xi măng, sắt thép các loại, bê tông nhựa. | Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu (kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp) | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc và giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp | Không đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| 8.2. Phòng thí nghiệm trong đó có chức năng thực hiện đầy đủ các thí nghiệm cho gói thầu... | Có tài liệu chứng minh sở hữu phòng thí nghiệm, nếu đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc và bên cho thuê có tài liệu chứng minh sở hữu và khả năng cung cấp | Đạt |
| | Không có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm hoặc bên cho thuê không chứng minh được sở hữu phòng thí nghiệm. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 8.1, 8.2 được xác định là đạt. | Đạt |
| | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 8.1, 8.2 được xác định là không đạt. | Không đạt |